PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 BÀI 11 KHTN 8

Câu 1. Hãy phân biệt các chất sau thành 4 nhóm: acid, base, oxide, muối bằng cách kéo thả vào ô tương ứng

HCl, LiOH, AgCl, NaOH, CrO, FeO, H_2SO_4, $CaCO_3$, $FeSO_4$, HNO_3, KOH, $Mg(OH)_2$, CO, $Ca(OH)_2$, $NaNO_3$, NO, $Zn(OH)_2$, $Cr(OH)_2$, $CuSO_4$, SO_3, CrO_3, SiO_2, Na2O, Ag_2O, $Fe(OH)_3$, BeO, MgO, $Al(OH)_3$, CaO, $BaCl_2$, ZnO, NaCl, PbO, Na_2CO_3, Fe_2O_3, Cr_2O_3, $(NH_4)_2SO_4$, $BaCO_3$, $Ba(OH)_2$, HBr, P_2O_5, KCl, Al_2O_3, $Fe(OH)_2$, $PbSO_4$, , H_3PO_4, $MgCl_2$, $Cu(OH)_2$ $CuCl_2$, SO_2

Acid	Base	Oxide	Muối

Câu 2. Điền thông tin còn thiếu và đánh dấu ˅ (có, đúng) vào ô trống thích hợp trong bảng sau:

STT	Công thức muối	Tên gọi muối	Phân loại	
			Muối tan	Muối không tan
1	AgCl			
2	$BaSO_4$			
3	Na_2CO_3			
4	K_3PO_4			
5	ZnS			
6	Na_2SO_3			
7		Potassium hydrogensulfide		
8		Copper (II) sulfide		
9	$Fe_2(SO_4)_3$			
10		Calcium hydrogencarbonate		
11		Potasium phosphate		
12	Na_2HPO_4			
13		Copper(II) sulfate		
14		Potassium sulfide		
15	$CuCl_2$			

LIVEWORKSHEETS